

Chuyên đề: Rút gọn Mệnh đề quan hệ bằng Cụm danh từ đồng cách (Appositive)

Trong tiếng Anh, việc rút gọn mệnh đề quan hệ giúp câu văn trở nên ngắn gọn, súc tích và mạch lạc hơn. Một trong những phương pháp rút gọn phổ biến là sử dụng cụm danh từ đồng cách (Appositive). Bài viết này sẽ tổng hợp toàn bộ kiến thức về chuyên đề này.

1. Cụm danh từ đồng cách (Appositive) là gì?

Cụm danh từ đồng cách (Appositive) là một danh từ hoặc cụm danh từ được đặt ngay sau một danh từ khác để giải thích, làm rõ hoặc cung cấp thêm thông tin cho danh từ đó. Về bản chất, hai danh từ hoặc cụm danh từ này cùng chỉ một đối tượng.

- **Ví dụ 1:** My brother, **a talented artist**, is holding an exhibition next week.
(Anh trai tôi, một nghệ sĩ tài năng, sẽ tổ chức một buổi triển lãm vào tuần tới.)
-> Cụm "a talented artist" là cụm đồng cách, giải thích cho "My brother".
- **Ví dụ 2:** I visited Hanoi, **the capital of Vietnam**. (Tôi đã đến thăm Hà Nội, thủ đô của Việt Nam.)
-> Cụm "the capital of Vietnam" là cụm đồng cách, làm rõ cho "Hanoi".

2. Cách rút gọn Mệnh đề quan hệ thành Cụm danh từ đồng cách

Chúng ta có thể rút gọn một mệnh đề quan hệ thành cụm danh từ đồng cách khi mệnh đề đó thỏa mãn các điều kiện cụ thể.

2.1. Điều kiện để rút gọn

Một mệnh đề quan hệ có thể được rút gọn thành cụm danh từ đồng cách khi:

1. Là **mệnh đề quan hệ không xác định** (non-restrictive clause), tức là được ngăn cách với mệnh đề chính bằng dấu phẩy (,). Mệnh đề này chỉ cung cấp thêm thông tin, nếu bỏ đi câu vẫn có nghĩa.
2. Động từ trong mệnh đề quan hệ là động từ **"to be"** (is, am, are, was, were).
3. Theo sau động từ "to be" là một **danh từ hoặc cụm danh từ**. Cụm danh từ này sẽ trở thành cụm đồng cách sau khi rút gọn.

2.2. Cấu trúc rút gọn

Để rút gọn, chúng ta chỉ cần bỏ đại từ quan hệ (who, which) và động từ "to be", giữ lại cụm danh từ phía sau.

- **Cấu trúc gốc:** S + , + who/which + be + Noun Phrase (Appositive) + , + V + O.
- **Cấu trúc rút gọn:** S + , + Noun Phrase (Appositive) + , + V + O.

Ví dụ minh họa:

- **Ví dụ 1:**

- Câu gốc: Mr. Brown, **who is an excellent teacher**, comes from Canada.
- Câu rút gọn: Mr. Brown, **an excellent teacher**, comes from Canada.
(Thầy Brown, một giáo viên xuất sắc, đến từ Canada.)

• Ví dụ 2:

- Câu gốc: Football, **which is a popular sport**, is known as the king of sports.
- Câu rút gọn: Football, **a popular sport**, is known as the king of sports.
(Bóng đá, một môn thể thao phổ biến, được mệnh danh là môn thể thao vua.)

• Ví dụ 3:

- Câu gốc: We are going to visit Hue, **which was the ancient capital of Vietnam**.
- Câu rút gọn: We are going to visit Hue, **the ancient capital of Vietnam**.
(Chúng tôi sẽ đi thăm Huế, cố đô của Việt Nam.)

3. Các vị trí của Cụm danh từ đồng cách trong câu

Cụm danh từ đồng cách có thể đứng ở đầu, giữa hoặc cuối câu, tùy thuộc vào vị trí của danh từ mà nó bổ nghĩa.

3.1. Đứng ở giữa câu

Đây là vị trí phổ biến nhất. Cụm đồng cách được đặt ngay sau danh từ mà nó giải thích và được ngăn cách bởi hai dấu phẩy.

- **Cấu trúc:** Chủ ngữ, + **Cụm đồng cách**, + **Động từ** + ...

- **Ví dụ 1:** Albert Einstein, **a famous physicist**, developed the theory of relativity. (Albert Einstein, một nhà vật lý nổi tiếng, đã phát triển thuyết tương đối.)
- **Ví dụ 2:** The Mekong River, **the longest river in Southeast Asia**, flows through six countries. (Sông Mê Kông, con sông dài nhất Đông Nam Á, chảy qua sáu quốc gia.)

3.2. Đứng ở cuối câu

Cụm đồng cách đứng ở cuối câu khi nó bổ nghĩa cho tân ngữ hoặc một danh từ ở cuối mệnh đề chính. Nó thường được ngăn cách bởi một dấu phẩy.

- **Cấu trúc:** S + V + O, + **Cụm đồng cách**.
- **Ví dụ 1:** Yesterday, I met Ms. Mai, **my former English teacher**. (Hôm qua, tôi đã gặp cô Mai, giáo viên tiếng Anh cũ của tôi.)
- **Ví dụ 2:** Her favorite movie is "La La Land", **a famous musical film**. (Bộ phim yêu thích của cô ấy là "La La Land", một bộ phim nhạc kịch nổi tiếng.)

3.3. Đứng ở đầu câu

Trong một số trường hợp để nhấn mạnh, cụm đồng cách có thể được đảo lên đầu câu. Sau nó là dấu phẩy và danh từ mà nó bổ nghĩa.

- **Cấu trúc:** Cụm đồng cách, + **Chủ ngữ** + **Động từ** + ...
- **Ví dụ 1:** **A brilliant scientist**, Marie Curie discovered radium and polonium. (Là một nhà khoa học lỗi lạc, Marie Curie đã khám phá ra radium và

polonium.)

(Câu gốc: Marie Curie, who was a brilliant scientist, discovered radium and polonium.)

- **Ví dụ 2: The highest mountain in the world**, Mount Everest is located in the Himalayas. (Là ngọn núi cao nhất thế giới, đỉnh Everest nằm ở dãy Himalaya.)

4. Những lưu ý quan trọng

4.1. Chỉ áp dụng với mệnh đề quan hệ không xác định

Phương pháp này **KHÔNG** áp dụng cho mệnh đề quan hệ xác định (mệnh đề không có dấu phẩy, cung cấp thông tin thiết yếu để xác định danh từ).

Mệnh đề quan hệ xác định (KHÔNG RÚT GỌN)	Mệnh đề quan hệ không xác định (CÓ THỂ RÚT GỌN)
The man who is a doctor lives next door. (Người đàn ông mà là bác sĩ thì sống cạnh nhà tôi.) -> Cần mệnh đề này để biết đang nói về người đàn ông nào.	Mr. Smith, who is a doctor, lives next door. -> Rút gọn: Mr. Smith, a doctor, lives next door.

4.2. Dấu câu

Dấu phẩy là yếu tố cực kỳ quan trọng. Cần sử dụng dấu phẩy để tách biệt cụm đồng cách với phần còn lại của câu, đặc biệt khi nó đứng ở đầu hoặc giữa câu.

4.3. Các từ giới thiệu cụm đồng cách

Đôi khi, cụm đồng cách có thể được giới thiệu bằng các từ như: **or, namely, specifically, that is, for example (e.g.), in other words.**

- **Ví dụ:** The main cause of the disease, **namely a vitamin deficiency**, can be easily treated. (Nguyên nhân chính của căn bệnh, cụ thể là thiếu vitamin, có thể được điều trị dễ dàng.)

5. Bài tập vận dụng

Bài 1: Viết lại các câu sau, rút gọn mệnh đề quan hệ thành cụm danh từ đồng cách.

1. Barack Obama, who was the 44th president of the USA, is a lawyer.
2. I want to visit Paris, which is the capital of France.
3. My favorite writer is Nguyen Nhat Anh, who is a famous author for teenagers.
4. The Amazon, which is the largest rainforest in the world, is in danger of deforestation.
5. This book was written by J.K. Rowling, who is the author of the Harry Potter series.

Bài 2: Kết hợp hai câu thành một, sử dụng cụm danh từ đồng cách.

1. My sister is a student at a top university. Her name is Linh.
2. Ho Chi Minh City is the biggest economic center in Vietnam. It is a vibrant city.

3. Shakespeare was a great English playwright. He wrote "Romeo and Juliet".
4. Son Doong is the world's largest cave. It is located in Quang Binh province.
5. My best friend is Nam. He is the captain of our school's football team.

Đáp án gợi ý

Bài 1:

1. Barack Obama, the 44th president of the USA, is a lawyer.
2. I want to visit Paris, the capital of France.
3. My favorite writer is Nguyen Nhat Anh, a famous author for teenagers.
4. The Amazon, the largest rainforest in the world, is in danger of deforestation.
5. This book was written by J.K. Rowling, the author of the Harry Potter series.

Bài 2:

1. My sister, Linh, is a student at a top university.
2. Ho Chi Minh City, the biggest economic center in Vietnam, is a vibrant city.
3. Shakespeare, a great English playwright, wrote "Romeo and Juliet".
4. Son Doong, the world's largest cave, is located in Quang Binh province.
5. My best friend, Nam, is the captain of our school's football team. (Hoặc: Nam, my best friend, is the captain of our school's football team.)